|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH NINH THUẬN** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **­­­­­­­­­­­­** |  |  |  |  |
| Số: /2022/NQ-HĐND  |  | *Ninh Thuận, ngày tháng 5 năm 2022* |

**(DỰ THẢO)**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí**

**thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

**KHOÁ XI KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;* *Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường

trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức thu phí: Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Đối tượng nộp phí: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

**Điều 2. Mức thu**

**1. Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

a) Trường hợp thẩm định lần đầu

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng vốn đầu tư(tỷ VNĐ) | ≤ 50 | >50 và ≤100 | >100 và ≤200 | >200 và ≤500 | >500 |
| Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường | 5,0 | 6,5 | 12,0 | 14,0 | 17,0 |
| Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng | 4,8 | 6,0 | 10,5 | 11,2 | 17,5 |
| Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật | 7,5 | 9,5 | 17,0 | 18,0 | 25,0 |
| Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản | 5,5 | 6,7 | 12,0 | 12,6 | 16,8 |
| Nhóm 5. Dự án Giao thông | 8,1 | 10,0 | 18,0 | 20,0 | 25,0 |
| Nhóm 6. Dự án Công nghiệp | 8,4 | 10,5 | 19,0 | 20,0 | 26,0 |
| Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5,6) | 5,0 | 6,0 | 10,8 | 12,0 | 15,6 |

b) Trường hợp thẩm định lại: Mức thu bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu.

2. Mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Trường hợp thẩm định lần đầu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tổng vốn đầu tư dự án**(tỷ đồng) | **Mức phí thẩm định** (triệu đồng) |
| 1 | Đến 50 | 8,0 |
| 2 | Trên 50 đến 100 | 9,0 |
| 3 | Trên 100 đến 200 | 10,0 |
| 4 | Trên 200 đến 500 | 12,0 |
| 5 | Trên 500 | 15,0 |

b) Trường hợp thẩm định lại: Mức thu bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu.

**3.** Mức thu phí cấp, cấp lại giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Trường hợp thẩm định lần đầu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Hình thức tổ chức thẩm định**  | **Mức phí (triệu đồng)** |
| 1 | Hội đồng thẩm định dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, không có nội dung sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất hoặc nội dung thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường  | 8,3 |
| 2 | Tổ thẩm định dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, dự án đầu tư có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại | 6,6 |
| 3 | Tổ thẩm định dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường trường hợp không mời chuyên gia ngoài tỉnh | 6,6 |
| 4 | Tổ thẩm định dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (trường hợp có mời chuyên gia ngoài tỉnh) | 17,6 |
| 5 | Đoàn kiểm tra cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động trường hợp không mời chuyên gia ngoài tỉnh | 11,6 |
| 6 | Đoàn kiểm tra cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động trường hợp có mời chuyên gia ngoài tỉnh | 20,5 |

b) Trường hợp thẩm định lại hồ sơ cấp, cấp lại giấy phép môi trường; cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: Mức thu bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu quy định tại điểm a khoản này.

**4.** Mức thu phí cấp, cấp lại giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Trường hợp thẩm định lần đầu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Hình thức tổ chức thẩm định** | **Mức phí (triệu đồng)** |
| 1 | Tổ thẩm định dự án đầu tư và hoặc Đoàn kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động | 4,3 |

b) Trường hợp thẩm định lại: Mức thu bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu quy định tại điểm a khoản này.

**Điều 3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí**

**1.** Chế độ thu, nộp phí: Tổ chức thu phí được để lại 100% trên tổng số tiền thu phí để bù đắp chi phí quản lý, phục vụ việc thực hiện công tác thẩm định. Trường hợp phí thu được không sử dụng hết trong năm thì sau khi quyết toán được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

**2.** Việc quản lý và sử dụng phí: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa XI Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày … tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày…..; bãi bỏ Điều 11 và Điều 12 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận*** | **CHỦ TỊCH** |
| - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Chính phủ;- Ban Công tác đại biểu-UBTVQH;- VP: Quốc hội, Chính phủ;- Bộ Tài chính;- Bộ Tài nguyên và Môi trường;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;- Thường trực Tỉnh ủy;- Thường trực HĐND tỉnh;- UBND tỉnh;- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông;- Cổng thông tin điện tử tỉnh;- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;- Lưu: VT. | **Phạm Văn Hậu** |